

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung.

2. Ông Tô Tấn Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu dân cư số a, thôn N, xã NH, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên hệ: Số 10, tổ 2, ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu dân cư số a, thôn N, xã NH, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Nguyễn Thị D vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2022; đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/7/2022; bản tự khai ngày 23/8/2022, biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2022, tại phiên hòa giải ngày 05/9/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018, anh V bỏ về quê ở xã NH sinh sống, không có bất cứ liên lạc nào với chị và con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 08/11/2013. Hiện cháu H đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có.

Ngoài ra, chị D không có yêu cầu khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:* Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Quá trình chung sống chị D và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 08/11/2013. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã NH, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị D và anh V vì Hội phụ nữ xã không nghe chị D hay anh V báo về mâu thuẫn, hay có đơn thư nhờ Hội can thiệp giải quyết mâu thuẫn.

Tại đơn xin xác nhận ngày 29/8/2022 của trường tiểu học THĐ thể hiện: Cháu Nguyễn Anh H đang theo học tại trường tiểu học THĐ, địa chỉ: ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Về con chung giao cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 08/11/2013 cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện việc xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì anh V vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, chị D được ly hôn với anh V.

[3.3] Về con chung: Vợ chồng chị D và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 08/11/2013, hiện do chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Cháu H sinh năm 2013, tại thời điểm xét xử cháu H đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn, cháu muốn được sống cùng mẹ. Hiện cháu H do chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu đang học tập ổn định tại trường tiểu học THĐ ở xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điều kiện thực tế, vì lợi ích mọi mặt của cháu H, trong đó để đảm bảo việc cháu H được tiếp tục

học tập, Hội đồng xét xử giao cho chị D được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 là phù hợp Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh V vắng mặt nên không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[3.5] Về nợ chung: Chị D trình bày không có, anh V vắng mặt nên không có ý kiến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Giao cháu Nguyễn Anh H, sinh ngày 08/11/2013 cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị D và anh V có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003126 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

